

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Trần Ngọc D, sinh năm: 19XX.

Địa chỉ: số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Võ Minh N, sinh năm: 19XX.

Địa chỉ: số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 45 do Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Sóc Trăng cấp ngày 24/4/2008. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng suy nghĩ và quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông bà đã sống ly thân từ giữa năm 2018 cho đến nay. Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, vợ chồng ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N.

[2]. Về con chung: Bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N trình bày ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Minh N và bà Trần Ngọc D mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Minh N và bà Trần Ngọc D đồng ý thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N trình bày ông bà không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Trần Ngọc D và ông Võ Minh N đã nộp theo biên lai thu số 0007721 và 0007720 cùng ngày 22/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà D và ông N đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND phường D, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Thanh Loan